

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIẾN XƯƠNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20-4-2022

V/v Ly hôn giữa ông T - bà V

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Ngoan;

2. Bà Đoàn Thị Duyên.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXX-ST ngày 22 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/QĐST - HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Hoàng Văn T, sinh năm 1966.

Địa chỉ: thôn T, xã M, huyện Kiến X, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: bà Phạm Thị V, sinh năm 1972.

Địa chỉ: thôn S, xã N, huyện K, tỉnh Thái Bình.

(ông T có mặt, bà V vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/12/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Hoàng Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: ông và bà Phạm Thị V kết hôn ngày 11/3/1993, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Minh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại đội 3 (nay là

thôn Tân Ấp 2), xã Minh Tân. Từ ngày 05/9/1993 thì vợ chồng chuyển về sinh sống tại thôn S, xã N, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Tình cảm của vợ chồng sau khi cưới không được hạnh phúc, đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do trước khi kết hôn ông bà có thời gian tìm hiểu ít, vợ chồng chung sống với nhau ngày càng phát sinh nhiều khác biệt về tính cách, suy nghĩ, nhận thức, cách chăm sóc, nuôi dạy con cái. Ông T nhận thấy bà V vô tâm, không có sự quan tâm, cảm thông, chia sẻ. Đến năm 2010-2011, ông bà sống ly thân, không yêu thương, quan tâm đến nhau nữa. Trong suốt quá trình sống ly thân, mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng hơn, bạo lực gia đình thường xuyên xảy ra, bà V thường xuyên đe dọa tự tử bằng nhiều hình thức, gây áp lực về tinh thần... với ông. Sau khi mâu thuẫn gia đình xảy ra, hai bên gia đình và địa phương, cơ quan đơn vị đã hòa giải, hàn gắn nhưng mâu thuẫn giữa ông bà càng lớn mặc dù cả hai bên đã cố gắng. Hiện nay ông T xác định vợ chồng không thể đoàn tụ với nhau được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông ly hôn bà Phạm Thị V.

Về con chung: Vợ chồng ông có 02 con chung là Hoàng Thị Thu H, sinh ngày 13/5/1994 và Hoàng Thế P, sinh ngày 12/11/2006. Con chung Hoàng Thị Thu H hiện nay đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con Hoàng Thế P hiện học lớp 10 trường Phổ thông trung học Bình Thanh và đang ở cùng với ông, ông có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn, không yêu cầu bà V cấp dưỡng cùng ông. Trường hợp cháu P có nguyện vọng được sống cùng với bà V sau khi ly hôn thì ông cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng theo yêu cầu của bà V.

Về tài sản: Vợ chồng ông đã tự thỏa thuận về tài sản, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phạm Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Hoàn cảnh, điều kiện, thời gian đăng ký kết hôn và quá trình chung sống như ông T trình bày là đúng. Ông bà tự nguyện kết hôn vào ngày 11/3/1993 tại UBND xã Minh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Việc kết hôn trên cơ sở hai bên tự nguyện. Sau khi kết hôn, ông T tiếp tục công tác tại đơn vị bộ đội đóng quân tại Chí Linh Sao Đỏ, tỉnh Hải Dương. Thời gian vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Trong cuộc sống có những lúc vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nhưng bà nghĩ đó là chuyện bình thường, gia đình nào cũng có. Do hoàn cảnh gia đình của bà lúc còn nhỏ nên tính cách bà không được khôn khéo do không có sự dạy bảo của người cha. Đến khi ông T về hưu trí, ông đi biệt biệt 05 năm trời, không chung sống cùng với bà và các con. Bản thân bà đã nhiều lần trò chuyện với ông với mong muốn ông trở về gia đình, sống cùng vợ

con nhưng ông không về khiến mâu thuẫn giữa vợ chồng xảy ra nhiều hơn. Quan điểm của bà về việc ông T xin ly hôn là không nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung như ông T trình bày là đúng. Con chung Hoàng Thị Thu H hiện nay đã trưởng thành. Đối với con Hoàng Thế P, bà đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của cháu P để giải quyết về việc ai là người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Trường hợp bà được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P thì bà yêu cầu ông T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Vợ chồng bà tự thỏa thuận và phân chia về tài sản, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu ông bà không tự thỏa thuận được về tài sản thì bà sẽ làm đơn yêu cầu Tòa án sau.

Biên bản xác minh tại UBND xã Nam Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình có nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: ông Hoàng Văn T và bà Phạm Thị V đã đăng ký kết hôn và chung sống với nhau từ năm 1993, đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. Quá trình ông bà chung sống, địa phương nhận thấy ông T không thường xuyên có mặt ở gia đình tại thôn Sơn Thọ, xã Nam Bình. Hiện nay chỉ có bà V sinh sống tại thôn S và làm lao động tự do, không có địa chỉ làm việc cụ thể. Về mâu thuẫn giữa ông bà theo địa phương được biết do tính tình không phù hợp, chung sống không hòa thuận nên không chung sống cùng nhau tại địa phương. Ông T không đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Nam Bình và không sinh hoạt đoàn thể tại địa phương. Các nghĩa vụ đóng góp tại địa phương đều do bà V sinh sống tại địa phương và thực hiện.

Về con chung: ông T bà V có 02 con chung là Hoàng Thị Thu H, sinh ngày 13/5/1994 (hiện đã có gia đình riêng) và Hoàng Thế P, sinh ngày 12/11/2006. Cháu P hiện nay không sống cùng bà V tại thôn S mà sinh sống tại xã M.

Về tài sản: ông T bà V có tài sản chung là đất và nhà ở tại thôn S, xã Nam Bình.

Biên bản xác minh tại UBND xã Minh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình có nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: ông Hoàng Văn T và bà Phạm Thị V đã đăng ký kết hôn ngày 11/3/1993 tại UBND xã Minh Tân. Từ năm 1993 đến năm 2018, ông T không thường xuyên có mặt ở địa phương mà công tác tại đơn vị quân đội, sau khi hưởng chế độ hưu trí thì có thời gian ông T đi làm cùng cháu ở Miền Nam. Năm 2018, ông T chuyển hộ khẩu thường trú và chuyển sinh hoạt

đảng về thôn T, xã Minh Tân, sinh sống tại địa phương từ đó đến nay. Quá trình ông T sinh sống tại địa phương không thấy bà V sống cùng với ông T. Hiện nay chỉ có ông T và người con thứ hai là Hoàng Thế P sinh sống tại thôn T. Năm 2018, khi về địa phương, ông T sửa lại nhà của bố mẹ đẻ và sinh sống cùng cháu P tại đó. Về mâu thuẫn cụ thể giữa ông T và bà V như thế nào địa phương không biết rõ.

Về con chung: địa phương được biết ông T bà V có 02 con chung là Hoàng Thị Thu H hiện đã trưởng thành, có gia đình riêng và Hoàng Thế P hiện đang học tại trường Trung học phổ thông Bình Thanh và sống cùng ông T.

Về tài sản chung giữa ông T và bà V địa phương không biết rõ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện chưa đầy đủ theo Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56, 58 các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho ông Hoàng Văn T được ly hôn bà Phạm Thị V. Về nuôi con chung: giao con chung Hoàng Thế P, sinh ngày 12/11/2006 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của ông T không yêu cầu bà V cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: ông T và V đều không yêu cầu, không đặt ra giải quyết. Về án phí: ông T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: ông Hoàng Văn T khởi kiện xin ly hôn bà Phạm Thị Vân có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn S, xã Nam Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng bà V không đến phiên tòa xét xử để giải quyết theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bà V. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân huyện

Kiến Xương tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: ông T và bà V đã tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 11/3/1993 tại Ủy ban nhân dân xã Minh Tân, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, ông bà ít có thời gian chung sống cùng nhau do ông T là quân nhân. Sau khi ông T hưởng chế độ hưu trí thì ông bà cũng không chung sống cùng nhau, có cuộc sống riêng biệt, không có sự chia sẻ, quan tâm, đồng cảm, do đó có thể xác định mục đích của hôn nhân không đạt được. Bà V không nhất trí ly hôn nhưng không đưa ra được phương án khả thi để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Như vậy có căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần xử cho ông Hoàng Văn T được ly hôn với bà Phạm Thị V.

[3] Về nuôi con chung: ông T và V có 02 con chung là Hoàng Thị Thu H, sinh ngày 13/5/1994 (hiện đã có gia đình riêng) và Hoàng Thế P, sinh ngày 12/11/2006. Do cháu Hoàng Thị Thu H đã trưởng thành, không có khiếm khuyết về thể chất và tâm thần nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Đối với cháu Hoàng Thế P, trong quá trình giải quyết vụ án, cháu trình bày nguyện vọng được tiếp tục chung sống cùng với ông Tuấn sau khi ông T bà V ly hôn. Xét thấy yêu cầu của cháu P là hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp và phù hợp với tình hình thực tế, việc cháu tiếp tục chung sống cùng ông T đảm bảo điều kiện sống học tập ổn định cho cháu, ông T cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phúc nên cần giao cháu Hoàng Thế P cho ông Hoàng Văn T nuôi dưỡng.

Ông T không yêu cầu bà V dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: ông T bà V đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: ông Hoàng Văn T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: ông Hoàng Văn T và bà Phạm Thị V được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho ông Hoàng Văn T được ly hôn bà Phạm Thị V.
2. Về nuôi con chung: Giao con chung Hoàng Thế P, sinh ngày 12/11/2006 cho ông Hoàng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Bà V không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng ông T.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con được đặt ra giải quyết khi ông Tuấn, và Vân có yêu cầu. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: ông Hoàng Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng ông đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001540 ngày 13/01/2022 sang thi hành án phí, ông T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Ông T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà V vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết ./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kiến Xương;
- Chi cục THADS huyện Kiến Xương;
- UBND xã Minh Tân;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phan Anh Tuấn